

Mã Ngành	Ngành học	Mã Khoa	Khoa	CTĐT	Số TC	Hạ HB
119	Công nghệ kỹ thuật máy tính	01	Điện Điện tử	21119	7	E
119	Công nghệ kỹ thuật máy tính	01	Điện Điện tử	21119CLC	7	E
129	Kỹ thuật y sinh	01	Điện Điện tử	21129	7	E
139	Hệ thống nhúng và IoT	01	Điện Điện tử	21139	7	E
142	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01	Điện Điện tử	21142	9	E
142	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01	Điện Điện tử	21142CLC	9	E
151	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	01	Điện Điện tử	21151	7	E
151	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	01	Điện Điện tử	21151CLC	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	01	Điện Điện tử	21161	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	01	Điện Điện tử	21161CLĐT	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	01	Điện Điện tử	21161CLNĐT	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	01	Điện Điện tử	21161CLNVT	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	01	Điện Điện tử	21161CLVT	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	01	Điện Điện tử	21161DTCN	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	01	Điện Điện tử	21161VMVT	7	E
104	Kỹ thuật công nghiệp	02	Cơ khí CTM	21104	7	E
134	Robot và trí tuệ nhân tạo	02	Cơ khí CTM	21134NT	7	E
138	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	02	Cơ khí CTM	21138	7	E
143	Công nghệ chế tạo máy	02	Cơ khí CTM	21143	7	E
143	Công nghệ chế tạo máy	02	Cơ khí CTM	21143CLC	7	E
143	Công nghệ chế tạo máy	02	Cơ khí CTM	21143CLN	7	E
144	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	02	Cơ khí CTM	21144	7	E
144	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	02	Cơ khí CTM	21144CLC	7	E
146	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	02	Cơ khí CTM	21146	7	E
146	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	02	Cơ khí CTM	21146CLC	7	E
134	Robot và trí tuệ nhân tạo	02	Cơ khí CTM	22134NT	9	E
146	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	02	Cơ khí CTM	22146	12	D
145	Công nghệ kỹ thuật ô tô	03	Cơ khí Động lực	21145	9	E
145	Công nghệ kỹ thuật ô tô	03	Cơ khí Động lực	21145CLC	10	D
147	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	03	Cơ khí Động lực	21147	7	E
147	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	03	Cơ khí Động lực	21147CLC	7	E
154	Năng lượng tái tạo	03	Cơ khí Động lực	21154	10	D
127	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	04	Xây dựng	21127	10	D
135	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	04	Xây dựng	21135	10	D
140	Kiến trúc nội thất	04	Xây dựng	21140	9	E
149	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	04	Xây dựng	21149	10	D
149	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	04	Xây dựng	21149CLC	7	E
155	Quản lý xây dựng	04	Xây dựng	21155	7	E
157	Kiến trúc	04	Xây dựng	21157	10	D
160	Quản lý và vận hành hạ tầng	04	Xây dựng	21160	7	E
156	Thiết kế đồ họa	05	In truyền thông	21156	7	E
158	Công nghệ kỹ thuật In	05	In truyền thông	21158	10	D
158	Công nghệ kỹ thuật In	05	In truyền thông	21158CLC	7	E
109	Công nghệ may	06	Thời trang và Du lịch	21109	10	D
109	Công nghệ may	06	Thời trang và Du lịch	21109CLC	9	E
123	Thiết kế thời trang	06	Thời trang và Du lịch	21123	7	E
159	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	06	Thời trang và Du lịch	21159	6	E
116	Công nghệ thực phẩm	07	CN Hóa học và TP	21116	10	D
116	Công nghệ thực phẩm	07	CN Hóa học và TP	21116CLC	7	E
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	21128CLCD	7	E
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	21128CLCH	7	E
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	21128CLCP	7	E
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	21128CLCV	7	E
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	21128H	10	D
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	21128P	10	D
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	21128V	10	D
150	Công nghệ kỹ thuật môi trường	07	CN Hóa học và TP	21150	10	D
150	Công nghệ kỹ thuật môi trường	07	CN Hóa học và TP	21150CLC	10	D

Mã Ngành	Ngành học	Mã Khoa	Khoa	CTĐT	Số TC	Hạ HB
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	22128CLCD	14	D
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	22128CLCH	14	D
128	Công nghệ kỹ thuật hóa học	07	CN Hóa học và TP	22128P	14	D
110	Công nghệ thông tin	09	ĐT Quốc tế	21110FIE	10	D
116	Công nghệ thực phẩm	09	ĐT Quốc tế	21116FIE	7	E
119	Công nghệ kỹ thuật máy tính	09	ĐT Quốc tế	21119FIE	7	E
124	Quản lý công nghiệp	09	ĐT Quốc tế	21124FIE	5	E
142	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	09	ĐT Quốc tế	21142FIE	13	D
143	Công nghệ chế tạo máy	09	ĐT Quốc tế	21143FIE	7	E
144	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	09	ĐT Quốc tế	21144FIE	7	E
145	Công nghệ kỹ thuật ô tô	09	ĐT Quốc tế	21145FIE	10	D
146	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	09	ĐT Quốc tế	21146FIE	7	E
147	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	09	ĐT Quốc tế	21147FIE	11	D
149	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	09	ĐT Quốc tế	21149FIE	7	E
151	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	09	ĐT Quốc tế	21151FIE	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	09	ĐT Quốc tế	21161FIE	7	E
161	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	09	ĐT Quốc tế	21161FIE_ECET_IC	7	E
130	Công nghệ vật liệu	17	Khoa học Ứng dụng	21130POLY	7	E
130	Công nghệ vật liệu	17	Khoa học Ứng dụng	21130SEMI	7	E
110	Công nghệ thông tin	18	CN Thông tin	21110AI	10	D
110	Công nghệ thông tin	18	CN Thông tin	21110CL_AI	10	D
110	Công nghệ thông tin	18	CN Thông tin	21110CLIS	10	D
110	Công nghệ thông tin	18	CN Thông tin	21110CLST	10	D
110	Công nghệ thông tin	18	CN Thông tin	21110IS	10	D
110	Công nghệ thông tin	18	CN Thông tin	21110ST	10	D
133	Kỹ thuật dữ liệu	18	CN Thông tin	21133	7	E
131	Ngôn ngữ Anh	21	Ngoại ngữ	21131BE	9	E
131	Ngôn ngữ Anh	21	Ngoại ngữ	21131TI	9	E
950	Sư phạm Tiếng Anh	21	Ngoại ngữ	21950	9	E
124	Quản lý công nghiệp	22	Kinh tế	21124	5	E
124	Quản lý công nghiệp	22	Kinh tế	21124CLC	6	E
125	Kế toán	22	Kinh tế	21125	5	E
125	Kế toán	22	Kinh tế	21125CLC	5	E
126	Thương mại điện tử	22	Kinh tế	21126	5	E
126	Thương mại điện tử	22	Kinh tế	21126CLC	5	E
132	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	22	Kinh tế	21132	5	E
136	Kinh doanh quốc tế	22	Kinh tế	21136	5	E